

Bản án số: 100/2025/HS-ST

Ngày 13-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thụ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Văn Sự

Bà Vương Ánh Ngân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ma Thị Huyền, Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:**
Ông Đinh Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 115/2025/TLST-HS ngày 28/5/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 462/2025/QĐXXST-HS ngày 29/5/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nông Thị H.** Giới tính: Nữ. Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 08/11/1987 tại: xã T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Nơi thường trú: xóm N, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Nơi ở hiện tại: xóm N, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Nông Văn A, sinh năm 1960; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con bà: Đinh Thị S, sinh năm 1959; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trú tại: xóm C, xã T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Chị, em ruột: Bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con cả trong gia đình; Chồng: Hoàng Đức V, sinh năm: 1987; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trú tại: xóm N, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Con: Bị can có 03 con. Con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Phạm Thị T, sinh năm 1987, Nơi cư trú: xóm N, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Lưu Công T1, sinh năm 1990, nơi cư trú: Tổ G, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nông Thị H (sinh năm 1988, trú tại xóm N, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng) không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, vì không có tiền để chi tiêu cá nhân nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION màu sơn xanh, biển kiểm soát 11U1-072.59 của chị Phạm Thị T (sinh năm 1987, người cùng xóm với H). Để thực hiện được mục đích chiếm đoạt, vào khoảng 16 giờ ngày 25/11/2024, H gọi điện cho chị T qua ứng dụng Messenger rồi nói dối chị T là cho H mượn xe để đi lấy giấy tờ cho con gái của H thì chị T đồng ý. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, chị T đến đón H tại cổng trường Trung học cơ sở C, H, Cao Bằng có địa chỉ tại xóm H, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng để cùng về nhà chị T. Khi về đến nhà, chị T giao xe cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 11005353 của xe mô tô BKS 11U1-072.59 mang tên Phạm Thị T cho H cầm để mang đi đường. Sau khi có xe, H không đi lấy giấy tờ cho con gái mà điều khiển xe máy đến cửa hàng cầm đồ Phương L thuộc tổ G, phường S, thành phố C, tại đây H đã thỏa thuận và viết giấy bán xe cho anh Lưu Công T1 (sinh năm 1990 - là chủ cửa hàng) với số tiền là 10.000.000 đồng. Bán xe xong, H bắt taxi đi về nhà và nhắn tin cho chị T lý do không trả được xe và hẹn sáng hôm sau sẽ trả xe thì chị T đồng ý. Tuy nhiên, thấy nhiều ngày sau Hường không đem xe đến trả như đã hẹn, chị T gọi điện cho H đòi xe nhiều lần thì H đều lấy nhiều lý do để trì hoãn việc trả xe nên vào ngày 04/01/2025 chị T làm đơn tố giác hành vi của H đến cơ quan chức năng để giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với số tiền sau khi bán được xe, H đã sử dụng hết vào việc chi tiêu cá nhân.

Tại Kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTS ngày 04/3/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự - Ủy ban nhân dân tỉnh C kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại VISION màu sơn xanh, biển kiểm soát 11U1-072.59, số khung: RLHJF5802EY52998, số máy: JF58E0415406, Nước sản xuất: Việt Nam, năm sản xuất: 2016 đã qua sử dụng trị giá **12.000.000** đồng.

Hành vi của Nông Thị H đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C lập hồ sơ, đề nghị truy tố về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại cáo trạng số 26/CT-VKSCB.P2 ngày 27/5/2025 đã truy tố Nông Thị H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã phản ánh đúng hành vi phạm tội của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhận định hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo có đầy đủ năng lực nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Tại cơ quan điều tra và tại tòa bị cáo thành khẩn khai nhận tội; Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo là phụ nữ có thai, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, n, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 6 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng;

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho bị hại theo quy định, (Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/4/2025, bị hại đã được Cơ quan điều tra Công an tỉnh C trả lại xe máy vào ngày 25/4/2025 và bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm).

Buộc bị cáo phải trả lại số tiền 10 triệu đồng cho anh Lưu Công T1 theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng: Không có.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát, không có ý kiến bổ sung.

Tại phiên tòa, bị hại xác nhận đã được Cơ quan điều tra trả lại chiếc xe máy và Giấy đăng ký xe vào ngày 25/4/2025 và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Tại phiên tòa, anh Lưu Công T1 là người liên quan đến vụ án đề nghị bị cáo trả lại anh số tiền đã mua xe máy là 10.000.000đồng.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo, bị cáo sẽ trả lại số tiền cho anh T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã

được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo Nông Thị H hoàn toàn phù hợp với B tự khai; Biên bản ghi lời khai của bị cáo, bị hại; người liên quan, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn tranh luận công khai tại phiên tòa có đủ căn cứ kết luận:

Do muốn có tiền chi tiêu cá nhân, nên vào ngày 25/11/2024, bị cáo Nông Thị H đã đưa ra những thông tin gian dối để thực hiện hành vi chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại VISION, màu sơn xanh, biển kiểm soát 11U1-072.59, số khung: RLHJF5802EY52998, số máy: JF58E0415406, nước sản xuất: Việt Nam, năm sản xuất: 2016 (đã qua sử dụng) của chị Phạm Thị T để đem đi bán lấy tiền để chi tiêu cá nhân, chiếc xe máy trị giá 12.000.000 đồng, bị cáo đã sử dụng số tiền trên tiêu sài cá nhân hết.

Hành vi trên đây của Nông Thị H đã phạm vào tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

“Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)...

b)..

2... ”

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính lần nào.

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; Bị cáo “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”; Bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội “Người phạm tội là phụ nữ có thai”, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa bị hại xin giảm hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo phải trả lại xe máy đã chiếm đoạt bị hại theo quy định, xác nhận bị hại đã được CQĐT trả lại xe máy và Giấy tờ xe vào ngày 25/4/2025.

Buộc bị cáo phải trả lại số tiền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lưu Công T1 số tiền 10.000.000đồng (vì anh T1 không biết bị cáo khai gian dối nên đã mua xe).

[5] Về hình phạt chính: Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Căn cứ vào nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục là có căn cứ.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về hướng xử lý vật chứng: Vụ án không có vật chứng nên không xem xét.

[8] Các nhận định khác: Đối với Lưu Công T1 là người mua chiếc xe máy trên với Nông Thị H. Quá trình điều tra, xác định khi trao đổi mua bán T1 không biết tài sản trên do Nông Thị H phạm tội mà có. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét trách nhiệm đối với T1 là có căn cứ.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, về xử lý vật chứng và án phí là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Đối với hình phạt Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đề nghị xử phạt bị cáo từ 6 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, tuy nhiên HĐXX nhận thấy mức hình phạt như vậy là nhẹ, cần xử tăng mức hình phạt nhằm răn đe, xử lý nghiêm hành vi phạm tội của bị cáo, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

1. Bị cáo Nông Thị H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt và Điều luật áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Nông Thị H **15** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **30** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/6/2025). Giao bị cáo Nông Thị H cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng giám sát giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 93 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bị hại đã nhận lại xe máy vào ngày 25/4/2025 và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Bị cáo phải trả lại số tiền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lưu Công T1 số tiền 10.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười triệu đồng chẵn*).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu của người được thi hành án, nếu bị cáo chưa bồi thường khoản tiền trên cho Lưu Công T1 thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa bồi thường theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và danh mục án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nông Thị H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh;
- Phòng hồ sơ công an tỉnh;
- Cục THA dân sự tỉnh;
- Phòng TT, KTNV&THA;
- Bị cáo; Bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa Hình sự;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Thụ